

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 10 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,
nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Lê Văn N, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn LH, xã TH, YB, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở: Thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Chị Phạm Thị A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, anh N, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn anh Lê Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2009 tại ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện BL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và áp lực kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian

sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh N xác định tình cảm không còn dành cho chị A, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh N và chị A có 04 con chung là cháu Lê Nam A, sinh ngày 13/10/2009; cháu Lê Việt L, sinh ngày 27/3/2012; cháu Lê Quân B, sinh ngày 14/4/2014; cháu Lê Trà M, sinh ngày 04/01/2017. Khi vợ chồng ly hôn anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Nam A và cháu Lê Việt L. Giao chị Phạm Thị A nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Quân B và cháu Lê Trà M không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phạm Thị A trình bày: Chị Phạm Thị A và anh Lê Văn N đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện BL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và áp lực kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh N có đơn xin ly hôn chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị A xác định vợ chồng có bốn con chung, về họ, tên, tuổi, ngày, tháng, năm sinh của các con chung đúng như anh N khai. Khi ly hôn chị đề nghị giao anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Lê Nam A và cháu Lê Việt L, còn chị trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Lê Quân B và cháu Lê Trà M, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, hiện chị A không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của địa phương nơi anh N và chị A sinh sống: Về hôn nhân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng xin ly hôn của anh N theo pháp luật. Về con chung anh N và chị A có bốn con chung là cháu Lê Nam A, sinh ngày 13/10/2009; cháu Lê Việt L, sinh ngày 27/3/2012; cháu Lê Quân B, sinh ngày 14/4/2014; cháu Lê Trà M, sinh ngày 04/01/2017. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

* Nguyện vọng của cháu Lê Nam A và cháu Lê Việt L: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu A và cháu L có nguyện vọng muốn ở với bố, để bố chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Anh N và chị A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã khai trong bản tự khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn N, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A.

Về con chung: Giao anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Nam A, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Lê Việt L, sinh ngày 27/3/2012 cho đến khi cháu Nam A và cháu L đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao chị Phạm Thị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Lê Quân B, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Lê Trà M, sinh ngày 04/01/2017 cho đến khi cháu B và cháu M đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn: Anh N và chị A phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Phạm Thị A có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn 3, xã DX, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện BL (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn N, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa anh N và chị A được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc với nhau khoảng tám năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do không còn tình cảm vợ chồng nên anh N và chị A đã sống ly thân. Từ năm 2017 đến nay anh N và chị A không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa cho thấy cả hai đều không còn dành tình cảm cho nhau. Anh N xin ly hôn chị A cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A có bốn con chung là cháu Lê Nam A, sinh ngày 13/10/2009; cháu Lê Việt L, sinh ngày 27/3/2012; cháu Lê Quân B, sinh ngày 14/4/2014; cháu Lê Trà M, sinh ngày 04/01/2017. Anh N xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nam A và cháu L. Chị A xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B và cháu M. Tại biên bản tự khai cháu Nam A và cháu L xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh N nhận nuôi dưỡng cháu Nam A và cháu L phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, chị A nhận nuôi dưỡng cháu B và cháu M hiện đang còn nhỏ là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Vì vậy cần giao cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nam A và cháu L; giao chị A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu M như quan điểm của anh N và chị A để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A mỗi người nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Anh N và chị A đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N và chị A phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A.

2/ Về con chung: Giao anh Lê Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Nam A, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Lê Việt L, sinh ngày 27/3/2012 cho đến khi cháu Nam A và cháu L đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao chị Phạm Thị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Lê Quân B, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Lê Trà M, sinh ngày 04/01/2017 cho đến khi cháu B và cháu M đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn N phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Phạm Thị A phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004552 ngày 29/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Anh N được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn N và chị Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã Đinh Xá, TP Phủ Lý;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

